

Bản án số: 451/2021/LĐ-ST

Ngày: 17-3-2021

V/v tranh chấp khoản hỗ trợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thắng

2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 28/2019/TLST-LĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp khoản hỗ trợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: 75 Hoàng Văn Thái, phường T, Quận 7.

Đại diện ủy quyền: Bà Hoàng Thị Hoa Th(có mặt)

Phan Thị Thu Th1 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020)

Bị đơn: Bà Lưu Ngọc D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 55 đường 1M, phường P, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Bùi Văn Tr (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M do bà Hoàng Thị Hoa Th và bà Phan Thị Thu Th1 đại diện trình bày:

Ngày 26/2/2018, bà Lưu Ngọc D ký bản Thỏa thuận tuyển dụng với Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty) với nội dung thỏa thuận: Bà D vào làm cho Công ty với vị trí giám đốc, trưởng bộ phận vận hành và chuyển đổi, Công ty trả khoản hỗ trợ cho bà D là 242.000.000 đồng để đền bù khoản thưởng theo hiệu suất công việc mà bà D không được nhận do bà D nghỉ việc tại đơn vị trước đó để vào làm việc cho Công ty. Công ty chi trả khoản tiền này khi bà D thử việc đạt yêu cầu và đang là nhân viên Công ty tại thời điểm chi trả. Nếu bà D tự ý thôi việc trong vòng 24 tháng đầu tiên, bà D phải hoàn trả cho Công ty toàn bộ khoản hỗ trợ trên.

Ngày 26/02/2018, bà D bắt đầu làm việc tại Công ty. Ngày 18/5/2018, Công ty chi trả khoản hỗ trợ 242.000.000 đồng cho bà D cùng với kỳ lương tháng 5/2018.

Tất cả các vị trí được Công ty tuyển dụng đều áp dụng chính sách chung là sẽ ký hợp đồng lao động theo các kỳ hạn lần lượt là 01 năm, 03 năm, không xác định thời hạn khi người lao động vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty nên điều này cũng sẽ được áp dụng tương tự cho bà D mà không có ngoại lệ. Nếu bà D còn làm việc tại Công ty và có kết quả tốt thì sau khi kết thúc thời hạn một năm hợp đồng lao động ban đầu, Công ty sẽ ký tiếp hợp đồng 03 năm nên việc ký hợp đồng lao động 01 năm ban đầu không ảnh hưởng gì đến các quyền lợi của bà D.

Ngày 26/9/2018, Công ty nhận được đơn xin thôi việc của bà D và ngày cuối cùng bà D làm việc tại Công ty là ngày 31/10/2018. Tổng thời gian làm việc của bà D tại Công ty là 08 tháng 03 ngày. Như vậy, bà D tự ý thôi việc tại Công ty trước khi hết thời hạn 24 tháng đầu tiên kể từ ngày bắt đầu làm việc. Như vậy theo đúng nội dung thỏa thuận thì bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ 242.000.000 đồng đã nhận.

Ngày 31/10/2018, Công ty có gửi thư điện tử yêu cầu và hướng dẫn bà D thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 05/12/2018, ngày 21/01/2019 và ngày 05/04/2019, Công ty có văn bản nhắc nhở bà D thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tuy nhiên bà D không thực hiện. Ngày 26/4/2019, Công ty gửi đơn đề nghị hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động Thương binh và xã hội Quận 7 để yêu cầu hòa giải tranh chấp giữa Công ty với bà D về khoản hỗ trợ trên. Tuy nhiên bà D không đến nên hòa giải không thành.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà Lưu Ngọc D hoàn trả ngay một lần cho Công ty khoản hỗ trợ đã nhận là 242.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn ông Bùi Văn Tr trình bày: Tháng 10/2017, bà D đang làm việc tại Ngân hàng CIMB V với chức danh Giám đốc khối nghiệp vụ và công nghệ thông tin thì được cô T (Trưởng phòng tuyển dụng nhân tài của Công ty TNHH M) gọi điện cho biết Công ty cần tuyển chức danh Giám đốc Ban chuyển đổi, quản lý các dự án trọng điểm. Sau đó, cô T có sắp xếp cho bà D 04 cuộc phỏng vấn với các sếp khác nhau của Công ty gồm: Giám đốc vận hành, Giám đốc nghiệp vụ, Giám đốc nhân sự, Tổng giám đốc. Đến tháng 12/2017, bà D có hỏi về loại hợp đồng tuyển dụng ở Công ty thì cô T trả lời là vị trí giám đốc cao cấp như bà D ứng tuyển thì Hợp đồng lao động sẽ là không thời hạn.

Sau khi nhận được thư mời làm việc của Công ty với yêu cầu gia nhập Công ty vào tháng 01/2018, bà D giải thích chò hết ngày 31/03/2018 bà D nhận tiền năng suất sau 01 năm làm việc mới gia nhập Công ty được. Cô T có nói Công ty sẽ trả thay khoản tiền thưởng này nếu bà D chấp nhận gia nhập Công ty sớm nhất có thể. Bà D báo mức thưởng cuối năm tối thiểu bằng 02 tháng lương cho những nhân viên được xếp loại bình thường. Mức lương của bà D là 121.000.000 đồng/tháng. Bà D có nói với cô T, nếu Công ty chấp nhận trả thưởng cho bà D tương ứng với mức tối thiểu 02 tháng lương sẽ được nhận tại đơn vị cũ là 242.000.000 đồng và Hợp đồng lao động là không thời hạn thì bà D sẽ cân nhắc để chấp nhận thư mời sang làm việc cho Công ty vào tháng 02/2018. Cô T nói trình Ban giám đốc và sau đó gửi thư xác nhận đồng ý.

Chính vì vậy khi nhận bản thư chào đồng ý trả cho bà D 01 khoản tiền tương đương với số tiền thưởng mà bà D sẽ được đơn vị cũ trả tiền nên bà D đồng ý làm việc cho Công ty vào tháng 02/2018.

Ngày 26/02/2018 bà D bắt đầu làm việc cho Công ty đến tháng 5/2018 hết thời gian thử việc, bà D được yêu cầu ký “Hợp đồng lao động” chính thức. Khi đó bà D phát hiện hợp đồng lao động của bà D có thời hạn 01 năm chứ không phải là không kỳ hạn như đã thỏa thuận nên bà D không ký mà phản ánh lên Giám đốc trực tiếp và Giám đốc nhân sự về sự bất nhất này. Sau khi trao đổi nhiều lần thì Giám đốc nhân sự có thư xin lỗi (qua thư điện tử nội bộ công ty) rằng “ *nhân viên dưới quyền sơ suất, nhờ ra không được phép khẳng định điều này với bà D*”. Bà D đang giữ vị trí cao cấp trong ngân hàng nước ngoài nên không dễ gì bà D bỏ việc để sang Công ty với mức lương tương đương và Hợp đồng lao động có kỳ hạn 01 năm.

Sau 01 tháng bàn bạc trao đổi với sếp trực tiếp và trình bày ý định xin nghỉ việc, sếp có thuyết phục bà D cứ ký Hợp đồng lao động và đề lùi ngày lại so với thực tế theo yêu cầu của Công ty đã và sẽ cho bà D nghỉ việc nếu bà D có trách nhiệm tuyển dụng đủ số nhân viên của Phòng dự án vì lúc này 3 trong số 4 nhân viên của bà D đã có ý định nghỉ việc. Bà D đã làm cho đến tháng 9/2018 chính thức xin nghỉ việc sau khi tuyển dụng được các vị trí cơ bản cho Công ty. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D không đồng ý.

Trong tổng số tiền 242.000.000 đồng Công ty chi trả cho bà D thì bà D thực nhận trong tài khoản là 157.300.000 đồng, và phải nộp thuế thu nhập cá nhân 84.700.000 đồng. Với yêu cầu khởi kiện của Công ty, bà D có ý kiến yêu cầu Công ty thanh toán cho bà những tháng làm việc cho Công ty là 81.675.000 đồng (thực nhận 53.088.750 đồng và chịu thuế thu nhập 28.586.250 đồng). Bà D chỉ đồng ý trả lại cho Công ty số tiền 104.211.250 đồng, tiền thuế 56.113.750 đồng trên số tiền này Công ty phải chịu.

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Lưu Ngọc D hoàn trả ngay một lần cho Công ty khoản hỗ trợ đã nhận là 242.000.000 đồng. Sau khi bà D hoàn trả số tiền này, Công ty và bà D liên hệ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục điều chỉnh và hoàn thuế thu nhập cá nhân cho bà D.

Đại diện ủy quyền bị đơn xác nhận Công ty đã chuyển cho bà D khoản tiền hỗ trợ 242.000.000 đồng cùng với lương tháng 5/2018, bà D thực nhận 142.000.000 đồng. Bà D chỉ đồng ý trả lại cho Công ty số tiền 104.211.250 đồng trong vòng 03 tháng, số tiền thuế 56.113.750 đồng trên số tiền này Công ty phải chịu. Đại diện ủy quyền bị đơn có đưa ra ý kiến phản tố yêu cầu Công ty bồi thường 03 tháng tiền lương do chậm giao quyết định thôi việc cho bà D dẫn đến bà D không xin được việc.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bà D hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 242.000.000 đồng. Bà Lưu Ngọc D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà Lưu Ngọc D (địa chỉ: phường P, thành phố Thủ Đức) trả khoản tiền hỗ trợ đã nhận theo thỏa thuận tuyên tụng nên đây là vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Theo Thỏa thuận tuyên tụng ngày 26/2/2018 đã ký giữa Công ty TNHH M và bà Lưu Ngọc D thì bà D vào làm việc cho Công ty từ ngày 26/02/2018 với chức danh giám đốc, trưởng bộ phận vận hành và chuyển đổi. Bà D được nhận một khoản hỗ trợ 242.000.000 đồng để đền bù khoản thưởng theo hiệu suất công việc mà bà D không được nhận do nghỉ việc ở công ty hiện tại. Khoản tiền này được thanh toán ngay sau khi bà D thử việc đạt yêu cầu và được trả vào trong kỳ lương tháng.

[2.2] Theo lời trình bày của các đương sự thì bà D đã nhận khoản hỗ trợ 242.000.000 đồng cùng với kỳ lương tháng 5/2018.

Ngày 26/9/2018, bà D có đơn xin nghỉ việc. Ngày 01/11/2018, Công ty ban hành Quyết định số 589-QĐ-HR về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Diệp.

[2.3] Theo đại diện bị đơn trình bày bà D xin nghỉ việc do sau khi hết thời gian thử việc, bà D không được Công ty ký Hợp đồng lao động không thời hạn như đã thỏa thuận với bà D khi mời bà D về làm cho Công ty nên đây là lỗi của Công ty. Bà D chỉ đồng ý trả lại cho Công ty số tiền 104.211.250 đồng trong vòng 03 tháng, tiền thuế 56.113.750 đồng trên số tiền này Công ty phải chịu. Công ty TNHH M không đồng ý với ý kiến của đại diện bị đơn.

Xét Thỏa thuận tuyển dụng ngày 26/02/2018 giữa đôi bên không có thỏa thuận nội dung sau khi hết thời gian thử việc, Công ty phải ký hợp đồng lao động không thời hạn với bà D và tại khoản 9 Điều khoản chung của Thỏa thuận tuyển dụng có ghi: *“Thỏa thuận tuyển dụng này bao gồm tất cả các điều khoản hợp đồng lao động của Chị với Công ty và sẽ thay thế cho bất kỳ thỏa thuận, thỏa thuận không chính thức bằng miệng hoặc bằng văn bản trước đó giữa Chị và Công ty”*. Do đó việc bà D cho rằng bà nghỉ việc do Công ty vi phạm thỏa thuận với bà và chỉ đồng ý trả lại cho Công ty số tiền 104.211.250 đồng (tiền thuế 56.113.750 đồng trên số tiền này Công ty phải chịu) là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Tại thỏa thuận về khoản hỗ trợ trong Thỏa thuận tuyển dụng ngày 26/02/2018 có ghi: *“Để nhận được khoản hỗ trợ, Chị phải đang là nhân viên của Công ty tại thời điểm thanh toán khoản tiền này. Nếu Chị tự ý thôi việc hoặc Công ty chấm dứt thỏa thuận tuyển dụng/hợp đồng lao động với Chị trong vòng 24 tháng đầu tiên, Chị phải hoàn trả cho Công ty toàn bộ khoản hỗ trợ nói trên”*.

Xét bà D vào làm việc từ ngày 26/02/2018 và nghỉ việc ngày 01/11/2018 theo đơn xin nghỉ việc ngày 26/9/2018 là trong thời hạn 24 tháng đầu tiên theo thỏa thuận đã ký giữa đôi bên, nên bà D phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền 242.000.000 đồng đã nhận cho Công ty TNHH M. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Tại phiên tòa các đương sự có khai khác nhau về số tiền thực nhận của bà D sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân tuy nhiên các đương sự đều thống nhất xác nhận việc bà D đã nhận khoản hỗ trợ 242.000.000 đồng cùng với lương tháng 5/2018. Số thuế thu nhập cá nhân của bà D trên số tiền 242.000.000 đồng này đã được Công ty TNHH M khai nộp tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 14816/CT-TTHT ngày 02/11/2020 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh: *“Trường hợp bà Lưu Ngọc D phải hoàn trả số tiền hỗ trợ trước đây từ Công ty TNHH M đã chi trả thì Công ty TNHH M và bà Lưu Ngọc D thực hiện kê khai điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14”*. Do đó, Công ty TNHH M và bà Lưu Ngọc D có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh để kê khai điều chỉnh lại khoản thuế thu nhập cá nhân trên số tiền 242.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa đại diện bị đơn có yêu cầu Công ty bồi thường 03 tháng tiền lương do chậm giao quyết định thôi việc cho bà D dẫn đến bà D không xin được việc, tuy nhiên bà D không có mặt tại phiên tòa và đại diện bị đơn không nộp đơn yêu cầu do bà D ký tên nên không có cơ sở xem xét.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.630.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/00261923 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lưu Ngọc D phải chịu án phí (242.000.000 đồng x 3%) = 7.260.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 7 Bộ luật lao động năm 2012;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lưu Ngọc D có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền 242.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn M và bà Lưu Ngọc D có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh để kê khai điều chỉnh lại khoản thuế thu nhập cá nhân trên số tiền 242.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.630.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/00261923 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lưu Ngọc D phải chịu án phí (242.000.000 đồng x 3%) = 7.260.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo